

KIẾN THỨC VỀ NGÔN NGỮ ĐẤT NƯỚC HỌC, NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRONG GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Hữu Chinh^(*)

1. Từ những năm 70 của thế kỷ XX đã có nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ đất nước học [1]. Tuy nhiên cho tới nay, khi xác định bản chất của môn học này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau: một số người vẫn cho rằng đây chỉ là bình diện thuộc phương pháp, số khác lại cho rằng nó là môn học thuộc ngôn ngữ xã hội học, hoặc là một lĩnh vực của ngữ văn. Nội dung nhiều bài báo viết về ngôn ngữ đất nước học cho thấy các nhà nghiên cứu vẫn chưa thống nhất trong việc hiểu về khái niệm của thuật ngữ này.

Ngôn ngữ văn hóa học với tư cách là lĩnh vực riêng trong nghiên cứu ngôn ngữ cũng được hình thành từ những năm 70 nhằm xác lập cơ sở khoa học cho việc tăng cường giới thiệu ngữ liệu về đất nước, văn hóa của dân tộc có ngôn ngữ mà người học nghiên cứu nhờ phương pháp giảng dạy ngữ văn. Trong chặng đường phát triển của mình, lĩnh vực này lúc đầu bao hàm những nội dung chung nhất, sau đó giới hạn trong việc xem xét những nội dung riêng thuộc về ngôn ngữ, văn hóa, và cuối cùng là tiến hành đối chiếu những hiện tượng ngôn ngữ, văn hóa giữa tiếng mẹ đẻ của người học với một ngoại ngữ nào đó mà họ nghiên cứu [2]. Trong ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu thì lĩnh vực ngôn ngữ văn hóa học ít được đề cập tới nhất. Ngay cả những công trình nghiên cứu so sánh về mặt ngôn ngữ văn hóa thì thường mới chỉ tập trung đối chiếu, so sánh những từ vựng không tương đương, đối chiếu về thành ngữ ... có trong hai ngôn ngữ.

Ngôn ngữ văn hóa học thường được coi là một phần của ngôn ngữ học, nghiên cứu văn hóa dân tộc được phản ánh trong ngôn ngữ, một bộ phận của ngữ nghĩa học, nó xác định và mô tả những đơn vị ngôn ngữ mang thuộc tính văn hóa dân tộc, xem xét vấn đề về hiểu biết ngôn ngữ trong điều kiện giao tiếp giữa các nền văn hóa. Cả ngôn ngữ đất nước học, cả ngôn ngữ văn hóa học đều chú ý xem xét ngữ nghĩa của những đơn vị ngôn ngữ có chứa thành tố văn hóa dân tộc. Việc nghiên cứu vấn đề trên cho thấy hành vi lời nói được quy định bởi chuẩn mực văn hóa dân tộc [3, tr.86].

Cho tới nay, khi đề cập tới ngôn ngữ đất nước học, các nhà nghiên cứu thường tập trung chú ý biên soạn những từ điển ngôn ngữ đất nước học các loại, coi văn bản như nguồn cung cấp thông tin chính về ngôn ngữ, đất nước. Tuy nhiên, đặc thù về văn hóa dân tộc trong ngôn ngữ và văn bản lại được phân tích tách rời với thành phần dân tộc

^(*) PGS TS, Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

của người học, vì vậy những giáo trình về ngôn ngữ đất nước học đã có được dùng để dạy chung cho học viên thuộc bất kỳ người nước ngoài nào. Vấn đề đối chiếu ngôn ngữ cũng chưa được chú ý đầy đủ, trong khi đó ngôn ngữ văn hóa học, bình diện đối chiếu của nó đòi hỏi phải nghiên cứu văn hóa dân tộc được phản ánh trong ngôn ngữ, đảm bảo khả năng giao tiếp giữa những người đại diện cho ngôn ngữ và cho các nền văn hóa cụ thể khác nhau. Lĩnh vực đối chiếu chủ yếu trong ngôn ngữ văn hóa học bao gồm những đơn vị từ vựng và thành ngữ, bởi vì theo các nhà nghiên cứu thì nét đặc trưng của văn hóa dân tộc được thể hiện trước hết là ở trong từ vựng và ở trong thành ngữ.

2. Điềm qua những công trình đã có về ngôn ngữ đất nước học, ngôn ngữ văn hóa học cho thấy có những vấn đề liên quan tới lĩnh vực này chưa được đề cập và xem xét một cách đầy đủ. Trước hết là nội dung và quy trình giảng dạy những môn học này, đặc biệt thiếu hẳn hệ thống phương pháp thích hợp giúp ta cân nhắc, chú ý tới đặc tính tâm lý dân tộc của người học và toàn bộ những yếu tố liên quan tới tâm lý dân tộc trong quá trình giảng dạy tiếng nước ngoài [8].

Mỗi một nền văn hóa đều linh hội và tiếp nhận tri thức chung của nhân loại và của khu vực theo những cách thức nhất định. Vì vậy yếu tố "văn hóa" trong khái niệm "thành tố văn hóa dân tộc" là tổng hợp những kiến thức mang tính chất của cả nhân loại, của khu vực và của dân tộc, còn yếu tố "dân tộc" là sự linh hội, tiếp nhận tri thức chung theo các đặc trưng của dân tộc trong ý thức của người bản ngữ nào đó. Khi một người học ngoại ngữ, họ luôn mang theo mình những thuộc tính kể trên với tư cách là người đại diện cho một cộng đồng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc nhất định. Điều này cần được hết sức lưu ý trong quá trình dạy - học ngoại ngữ.

Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ đất nước học không phải là đất nước, mà là kiến thức nền của người dân đất nước đó được phản ánh trong nhận thức ngôn ngữ của họ, và bằng cách này hay cách khác liên hệ chặt chẽ với bình diện nội dung của những đơn vị ngôn ngữ của dân tộc ấy. Trong tiềm thức của những người đại diện cho một nền văn hóa và ngôn ngữ nhất định nào đó, luôn có mối liên hệ hữu cơ giữa ngữ nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ và sự vật, hiện tượng do các đơn vị ngôn ngữ đó biểu đạt.

Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ văn hóa học là văn hóa chung của dân tộc được xác định bởi di sản văn hóa dân tộc và những giá trị về đạo đức, tinh thần dân tộc. Người đại diện của bất kỳ một ngôn ngữ nào cũng đều mang trong mình những yếu tố của văn hóa nhân loại, văn hóa dân tộc, văn hóa địa phương và cả những yếu tố văn hóa nghề nghiệp chuyên môn hẹp.

Trong giảng dạy ngoại ngữ thì nhiệm vụ quan trọng nhất là phải hình thành cho người học khả năng cảm thụ và nhìn nhận được ngoại ngữ ấy từ góc độ của người bản ngữ. Điều đó đòi hỏi người học không chỉ nắm bắt, biết sử dụng các đơn vị ngôn ngữ, có

kỹ năng, kỹ xảo lời nói, mà còn phải có hiểu biết nhất định về nội dung ngôn ngữ văn hóa.

Thực tại xung quanh được mỗi người lĩnh hội thông qua lăng kính ngôn ngữ văn hóa dân tộc quy định. Nhà nghiên cứu người Mỹ Quine W.O. đã chỉ ra tính chất tương đối trong kiến thức của con người về thực tại được ước định bằng những hình thức ngôn ngữ văn hóa. Những hiện tượng, yếu tố của thế giới thực tại giống nhau có thể được những người có ngôn ngữ, văn hóa dân tộc khác nhau lĩnh hội theo cách khác nhau. Nội dung văn hóa dân tộc được phản ánh trong ngôn ngữ chính là phương thức khám phá mang đặc tính dân tộc về các mối liên hệ của hiện thực khách quan ngoài ngôn ngữ. Dẫn theo V.V. Vôrôbiốp [3, tr.90].

Việc tăng cường giao lưu quốc tế, phát triển quy mô học ngoại ngữ hiện nay sẽ thúc đẩy quá trình giao tiếp, tác động lẫn nhau giữa các nền văn hóa. Điều đó đòi hỏi vấn đề về mối tương quan giữa ngôn ngữ và văn hóa ở cấp độ dân tộc cũng như ở cấp độ quốc tế cần được xem xét một cách toàn diện và đầy đủ hơn. Cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu để hiểu rõ hơn vai trò của ngôn ngữ đất nước học, ngôn ngữ văn hóa học, những khái niệm và phạm trù cơ bản của chúng cũng như những bộ phận cấu thành phương pháp dạy - học ngoại ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ. Điều này sẽ góp phần nâng cao trình độ về ngoại ngữ, năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của người học và cuối cùng là đảm bảo cơ sở nội dung của việc dạy-học ngoại ngữ trong bối cảnh đối thoại giữa các nền văn hóa hiện nay.

3. Việc trau dồi kiến thức chung, kiến thức nền về ngôn ngữ văn hóa có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình giáo dục ngoại ngữ, nó góp phần nâng cao trình độ sử dụng ngoại ngữ cho người học. Những quan sát, thực nghiệm do các nhà nghiên cứu, giảng dạy ngoại ngữ lâu năm tiến hành đã khẳng định điều đó. Một người học ngoại ngữ và đã có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ ấy ở mức độ nhất định, khi lần đầu tiên được đến đất nước có môi trường tiếng tự nhiên thường bản khoăn suy nghĩ và muốn tìm lời giải đáp cho những câu hỏi kiểu:

- Liệu mình đã thực sự biết được ngoại ngữ này và có trình độ như đã được đánh giá thông qua kết quả của các kỳ thi khi học hay không?
- Trong quá trình học trên lớp mình hiểu được bạn bè, giáo viên khi mọi người nói bằng ngoại ngữ này, nhưng liệu mình có hiểu được người bản ngữ khi giao tiếp với họ hay không?
- Liệu mình có đủ vốn từ, có đủ kiến thức (về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng), có kỹ năng thực hành để sử dụng ngoại ngữ này giao tiếp với người bản ngữ hay không?

Ngoài việc giao tiếp với người bản ngữ trong môi trường giao tiếp tự nhiên, đôi khi còn có thể có sự giao tiếp với những người từ các nước khác đến cùng biết ngoại ngữ

này. Kết quả là không phải bao giờ họ cũng hiểu đúng và hiểu được nhau. Có nhiều yếu tố gây ra hiện tượng này, nhưng một trong những nguyên nhân chính của hiện tượng này là giữa những người tham gia giao tiếp có sự khác biệt nhau về văn hóa [1, tr.49]; [5 tr.71, 75].

Muốn nắm được một ngoại ngữ ở mức độ thành thạo, sử dụng được ngoại ngữ đó như một công cụ giao tiếp thực sự, thì ngoài kiến thức về tiếng (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng), cần phải có sự hiểu biết về đất nước, về văn hóa của dân tộc nói tiếng mà người học nghiên cứu. Vì vậy trong quá trình học tiếng của một dân tộc khác, cần phải đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa của dân tộc ấy.

Nếu biết sử dụng phương pháp thích hợp, chúng ta có thể khai thác "yếu tố văn hóa" từ những yếu tố ngôn ngữ, tiếp nhận và trao đổi kiến thức văn hóa của dân tộc khác thông qua những nguồn thông tin, tư liệu khác nhau. Với mục đích giáo dục, đặc biệt là giáo dục ngoại ngữ, có thể hiểu về văn hóa như là "hệ thống những giá trị về tinh thần, những giá trị được thể hiện hoặc không được thể hiện về mặt vật chất, được xã hội tạo ra và tích lũy trong tất cả các lĩnh vực của tồn tại xã hội. Trong hệ thống giá trị ấy có những giá trị:

- đặc trưng cho tất cả các dân tộc ở mọi thời đại (đây là những giá trị vĩnh cửu, của chung nhân loại);
- đặc trưng cho một nhóm dân tộc có cùng chung ngôn ngữ;
- đặc trưng riêng cho một dân tộc" [6, tr.13].

Những nét chung và nét khác biệt giữa các nền văn hóa chỉ có thể phát hiện và nhận ra khi đối chiếu các nền văn hóa với nhau (tối thiểu là hai nền văn hóa). Điều hết sức quan trọng là "chính cái chung có mặt trong mọi thành tố văn hóa là cơ sở của hoạt động giao tiếp giữa mọi người thuộc các cộng đồng ngôn ngữ - dân tộc khác nhau. "Cái chung" trong văn hóa nhân loại chính là hạt nhân, cốt lõi của bất kỳ nền văn hóa nào, còn yếu tố văn hóa riêng, đặc trưng cho văn hóa được phản ánh trong ngôn ngữ của mỗi dân tộc chính là biểu hiện bề ngoài của cái chung, chiếm tỷ lệ ít hơn nhiều so với "cái chung". Tuy nhiên khi có sự tiếp xúc và tác động qua lại giữa các nền văn hóa với nhau thì "cái riêng" đặc trưng cho ngôn ngữ, văn hóa của mỗi dân tộc lại thường được bộc lộ rõ nét nhất" [4, tr.70]; [7 tr.37, 38]. Thành tố văn hóa trong ngôn ngữ đặc trưng của từng dân tộc thường được thể hiện ở:

- Truyền thống dân tộc (yếu tố văn hóa cố định, bền vững), phong tục, tập quán, lễ nghi.
- Văn hóa trong nếp sống, sinh hoạt riêng của từng dân tộc.

- Hành vi, cách xử sự thường ngày (những thói quen được coi như những quy tắc trong giao tiếp, liên quan với những thói quen này là điệu bộ, cử chỉ ... cũng có những đặc trưng riêng).
- Bức tranh dân tộc về thế giới phản ánh tinh cách dân tộc trong việc lĩnh hội thế giới xung quanh.
- Văn hóa, nghệ thuật phản ánh truyền thống văn hóa của từng dân tộc.

Cần đặc biệt lưu ý tới các đơn vị và phương tiện ngôn ngữ phản ánh những thành tố văn hóa dân tộc nêu trên. Những đơn vị ngôn ngữ đó bao gồm:

- Những từ gọi tên sự vật, hiện tượng khách quan hoặc phản ánh nếp sống, phong tục tập quán, lễ hội đặc trưng cho văn hóa của mỗi dân tộc.
- Nghi thức lời nói. Đây là những quy tắc trong hành vi lời nói được quy định bởi mối quan hệ qua lại, tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, tuổi tác hoặc địa vị, thành phần xã hội của những người tham gia giao tiếp. Nghi thức lời nói trong các ngôn ngữ khác nhau có sự khác biệt nhau khá rõ nét. Cần biết sử dụng đúng nghi thức lời nói phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể, đặc biệt là trong xưng hô và chào hỏi.
- Thành ngữ, tục ngữ, ngạn ngữ ... phản ánh nét đặc trưng về văn hóa của từng dân tộc.
- Những từ ngữ khi được sử dụng trong giao tiếp gợi ra những liên tưởng nhất định liên quan tới văn hóa của từng dân tộc.
- Các tác phẩm văn học nghệ thuật. Đây là nguồn cung cấp thông tin quan trọng nhất, góp phần mở rộng kiến thức nền, kiến thức về văn hóa, về đất nước, con người và dân tộc có ngôn ngữ mà người học nghiên cứu.

Trong quá trình dạy-học ngoại ngữ cần biết lựa chọn ngữ liệu phù hợp với trình độ của người học ở từng giai đoạn cụ thể nhờ hệ thống bài tập phong phú, phương pháp thủ thuật rèn luyện các kỹ năng giao tiếp tương ứng. Điều quan trọng là đồng thời với việc học tiếng, người học cần luôn có ý thức chủ động, tự tìm tòi, khám phá nhằm bổ sung, mở rộng cho mình kiến thức về đất nước học, về văn hóa dân tộc được phản ánh trong ngoại ngữ nhằm đạt đích cuối cùng là nắm vững ngoại ngữ đó một cách hoàn hảo, sử dụng ngoại ngữ đó như một công cụ giao tiếp hữu hiệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Вєрсєгин ЕМ
2. Воробьєв В.В. *Лингвокультурология. Теория и методы*, М., 1977.

3. Воробьев В.В. Общее и специфическое в лингвострановедении и лингвокультуроведении. *Слова и текст в диалоге культур*. М., 2000, стр. 83-92.
4. Кубишина П.В. *Художественный текст в лингвокультурологическом осмыслении*. Гос. ИРЯ имени Пушкина АС. М., 2000.
5. Орехова Н.А. Лингвистическая протекеранция. *Русский язык за рубежом*, No 3 (2001), стр. 74-77.
6. Пассов Е.Н. *Коммуникативное иноязычное образование: Концепция развития индивидуальности в диалоге культур*. Липецк, 2000.
7. Прохорова И.О. Формирование лингвокультурологической компетенции на занятиях по русскому языку. *Русский язык за рубежом*, No 3 (2001), стр. 37-45.
8. Федюковская М.Г. *Роль этнолингвистических факторов в обучении британских студентов*. СПб., 1999.

KNOWLEDGE OF LANGUAGE FOR AREA STUDIES, LANGUAGE FOR CULTURE STUDIES IN FOREIGN LANGUAGE TEACHING

Assoc.Prof. Dr. Nguyen Huu Chinh

*Department of Russian Language and Culture
College of Foreign Languages - VNU*

The study of language for area studies, language for culture studies is of enormous significance in foreign language teaching and learning, contributing to enhancing the communicative competence of language learners. This article analyses the basic concepts of language for area studies and culture studies. The article also mentions the necessity of combining language learning with the study of national culture, aimed at mastering and using foreign languages as effective means of communication.